

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144A/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2024
Về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thúc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu, bà Mai Thị Toán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Linh Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P (Số B Hồ Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 690/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1987, Địa chỉ: Xóm I, Thôn D, xã P, huyện P, tỉnh H. Có mặt.

Bị đơn: Anh Tạ Quang P, sinh năm: 1984, Địa chỉ: Xóm I, Thôn D, xã P, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau, chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Tạ Quang P tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 04/8/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện P, tỉnh H. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nhau, cả hai không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Tháng 8 năm 2023 sau nhiều lần xảy ra gây gổ, bị anh P đánh đập và xúc phạm nên chị L đã dẫn con đi lên nhà ngoại sinh sống, cả hai

sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là: Tạ Quang T, sinh ngày 09/9/2016 và Tạ Quang V, sinh ngày 15/10/2010. Chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi hai con thành niên, đủ 18 tuổi; chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để bị đơn- anh Tạ Quang P đến tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh P vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L, cho chị L được ly hôn với anh Tạ Quang P.

- Về con chung: Giao con chung Tạ Quang T, sinh ngày 09/9/2016 và Tạ Quang V, sinh ngày 15/10/2010 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con thành niên, đủ 18 tuổi; anh P không cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Tạ Quang P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng

cứ là tự chối bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Tạ Quang P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh H nên hôn nhân của chị L, anh P là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị L, anh P có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nhau nên không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng anh P không đến làm việc đã chứng tỏ anh P có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến hôn nhân này. Tại phiên tòa, chị L vẫn kiên quyết ly hôn với anh P.

Xét thấy vợ chồng chị L, anh P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L cho chị L được ly hôn với anh P là đúng quy định của pháp luật như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang tại phiên tòa.

[3] Về việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con:

Chị L và anh P có 02 con chung tên là: Tạ Quang T, sinh ngày 09/9/2016 và Tạ Quang V, sinh ngày 15/10/2010. Các con chung đều có nguyện vọng ở với chị L sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ và chị L có yêu cầu nuôi dưỡng các con nên cần giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng. Hiện nay chị L đang làm việc tại Công ty Cổ phần P1 với thu nhập trung bình mỗi tháng 8.000.000 đồng và chị khẳng định có khả năng nuôi các con phát triển tốt và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L, cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Tạ Quang P. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao hai cháu Tạ Quang T, sinh ngày 09/9/2016 và Tạ Quang V, sinh ngày 15/10/2010 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, đủ 18 tuổi; anh Tạ Quang P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí giải quyết ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai thu số 0001769 vào ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P;
- Chi cục Thi hành án huyện P;
- UBND xã Phú Mỹ (ĐKKH số 44 ngày 04/8/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thúc Mỹ